

Moments of Truth



RACHMAN MITCHELL

Những khoảnh khắc của sự thực

Nguyên tác **Moments of Truth** của Rachman Mitchell

© 2019 Minh Thần dịch

Điện sách 5.2019 Góc Nhỏ

Sửa lỗi: Hartini Tâm Đan - Hoàng Nam

Phiên bản 5.2021 Góc Nhỏ

Những khoảnh khắc của sự thực

Nguyên tác

Moments of Truth

của

Rachman Mitchell

Minh Thần dịch

gn
2019

NỘI DUNG

1. Bình minh một thời đại mới	6
2. Tôi được khai mở trong Subud	10
3. Cuộc viếng thăm Paris 1964	13
4. Chiếc taxi màu vàng.	15
5. Một tiếng sét đánh	18
6. Đi đứng theo Zikr	20
7. Bệnh tim đầu tiên của Bapak	21
8. Selamatan cho John Bennett	23
9. Chiếc váy người Scotland	28
10. Jaga Malam và cây dù bằng vàng	30
11. Ibu Sumari	33
12. Đầu bạn ở đâu?	36
13. Bạn còn có thể chơi đàn vĩ cầm và dương cầm	38
14. Du hành cùng Bapak	41

15. Bapak mỉm cười	43
16. Kinh Lạy Cha	45
17. Giấc mơ, cái chết và sự chuộc tội	47
18. Nghiệm được Zikr	49
19. Suka Mulia - một nơi chốn đặc biệt	51

1. Bình minh một thời đại mới

Chúng ta đang sống trong một thời kì phi thường với những đà chuyển biến nhanh chóng chưa từng thấy, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và truyền thông. Trí óc chúng ta đôi khi bị tràn ngập; chúng ta càng lúc càng khó có thể nối kết với Chân Ngã, và từ đó với Tất Cả những gì hiện hữu, hay như người ta nói, với Thượng Đế, Allah, Brahma, hay theo bất cứ ngôn ngữ nào được dùng để diễn đạt cái không thể diễn đạt.

Khi còn tuổi thanh niên, tôi chỉ lờ mờ nhớ tới sự nối kết đó. Tôi nói là lờ mờ bởi vì hầu như chẳng còn nhớ gì, cái trí óc biện luận và sáng suốt của tôi thì tin là chẳng có gì. Tuy nhiên, sâu thẳm trong lòng tôi là niềm ao ước cho sự nối kết được sống lại.

Sự xuất hiện của Bapak tại Coombe Springs tháng 6 1957 được báo trước cho tôi biết cách đó 6 tuần bởi một chứng nghiệm làm tôi thức dậy giữa đêm, điều mà hiện nay tôi nhận biết là sự khai mở cho Tình Thương và Quyền Năng của Thượng Đế. Đột nhiên tôi tỉnh ngủ hẳn, khiến nhận thức được một quả cầu ánh sáng chói lọi phía trên những cánh cửa trước mặt mình. Quả cầu đó trước tiên nhập vào đầu tôi, rồi lấp đầy toàn thân; đồng thời tôi cảm thấy cực kì hạnh phúc, và như đang ở nơi quê hương đích thực của

mình. Tôi thấy tâm mình như đang bành trướng, nhưng lại không thể bành trướng đầy đủ để chứa đựng tất cả. Tôi nghe thấy giọng nói của chính mình bảo mình tuân theo những gì một người từ phương Đông phải đem tới.

Một vài ngày sau đó, trong lúc đang đi trên một con lộ tôi chợt nhận thấy mình nhảy tung tăng nói: ‘Đúng rồi, mình có một linh hồn!’ Tôi thật vui mừng. Một trong những lí do của sự vui mừng là tôi không còn đau buồn nữa vì cái chết của bố mình cách đó 11 năm. Tôi có chứng nghiệm là ông đang ngồi bên cạnh mình để cùng vui với tôi, trong lúc tôi ngồi trong xe điện ngầm ở London.

Bapak Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo là Người từ Phương Đông mà tiếng nói của nội tâm cho hay là đang đến. Điều ngạc nhiên là một con người có thể có những chứng nghiệm bao gồm 1000 đêm hầu như không ngủ, trong khi mình được làm cho cử động bởi một thần lực mà sau đó mình hiểu được là do Thượng Đế thông qua Chân Ngã mình. Cái quá trình đó tiếp diễn trong tâm ông, điều ông gọi là latihan kedjiwaan (sự tập luyện của linh hồn)

Cái chứng nghiệm đó có thể truyền qua cho những người khác, nếu họ yêu cầu, qua điều chúng tôi gọi là ‘khai mở,’ và đó là một sự màu nhiệm mà ông đã thuật lại trong Tự Truyện của mình.

Những chứng nghiệm của mọi người trong tâm đều khác nhau, tùy theo cá tính mình do di truyền, văn hóa, hay những gì khác. Điều chúng tôi dễ nhận biết được hơn là những gì xảy ra cho mình, những chuyện kể cho nhau, và khi kể và nghe từ đáy lòng, chúng tôi cảm thấy gắn liền nhau và quý trọng nhau.

Điều Bapak mong cho chúng tôi được biểu đạt bằng vài lời giản dị: ‘Tất cả những gì các bạn hiện nay cần làm là đem ra thực hành,’ và ‘tất cả những gì các bạn cần đã có đó từ A tới Z. Latihan là một sự học tập thường trực của chân ngã.’

Tôi thú nhận mình nhiều lần đã phải thất vọng về sự mong ước đó, bởi mình không đủ là một gương mẫu của một người Subud lồi kéo được thiên hạ cho họ thấy được sự màu nhiệm của latihan. Nghĩ tới chuyện đó và phải ăn nói ra sao thì thật khó xử. Nhưng tôi

cũng cố gắng cảm nhận được những gì mình có thể làm để đáp ứng những nhu cầu của người ta, theo cách nào đó tùy theo khả năng mình.

Bởi ảnh hưởng của sự giao tiếp đó với linh hồn mình, cùng với những chứng nghiệm của nhiều người chúng tôi, nên tôi coi cái ân huệ mà Bapak đem tới cho nhân loại đó là điều gì na ná như sự tái xuất của Chúa GiêXu. Tôi cảm thấy Bapak hiểu biết mọi việc, có quyền hành với những gì xảy ra, như cái không khí kì diệu và màu nhiệm chung quanh chúng tôi. Ông là người khiến tôi tôn kính. Ông sửa sai chúng tôi, nhưng cũng nói mình có thể làm lạc, như chúng tôi, mình không gì hơn là một người dẫn đường tới Quyền Năng của Thượng Đế, của Thánh Linh.

Có lần ông xin chúng tôi tha thứ lúc hết Ramadan. Có ai đó nói ông không cần phải xin tha thứ, thì ông trở nên rất nghiêm nghị nói rằng mình chỉ là một con người nên có thể làm lạc. Ông lại xin chúng tôi tha thứ, và đó là điều đã an ủi tôi rất nhiều.

Tuy nhiên, điều chúng tôi chứng kiến ở Coombe là một người đi đứng và ăn nói không như những người chúng tôi đã từng gặp. Ông đi đứng một cách khiến cảm thấy rõ rệt có một sự Hiện Diện. Khi ông nói về những chuyện tâm linh, đó là những gì của một người trực tiếp nói về những kinh nghiệm của mình, chứ không về những gì mình đã học hỏi. Những lời nói của ông có một quầng chân lí thâm thúy, như đã đặt dấu ấn vào chân tâm tôi. Đó là những gì trái hẳn với những lời nói của một người đầy uy tín và thông minh như ông Bennett, một người đã khiến chúng tôi phải phục tùng trong 5 năm qua. Bapak luôn thích nghe chúng tôi nói tới những chứng nghiệm của chúng tôi, hay tới lợi ích của latihan trong đời sống.

Latihan đã thay đổi cuộc sống tôi theo nhiều cách: hiện nay tôi biết mình có quyền sáng suốt lựa chọn. Cái danh sách trong đó có những điều khiến mình khốn khổ và than thân trách phận thì không có là bao, nhưng cái danh sách trong đó là những điều khiến mình hạnh phúc và mang ơn về những gì mình có, thì là rất nhiều!

Tôi cũng hiểu được tại sao mình thấy bất an, lo sợ và buồn phiền: đó chỉ là vì mình không còn tiếp xúc được với với cái Cội Nguồn của Thực Chất trong linh hồn mình nó nối kết với Tất Cả Thực Chất khác. Đó chính là điều làm cho cuộc sống tôi có một hướng đi và ý nghĩa rõ rệt. Chính nhờ cái đó mà tôi có thể thực sự yêu vợ con mình, bạn bè mình, cái cộng đồng của mình và chính mình.

2. Tôi được khai mở trong Subud

Năm 1957 tôi là một trong những giới trẻ theo lối tu Gurdjieff mà người lãnh đạo là JG Bennett. Tôi là một sinh viên y khoa sống ở Coombe Springs, và hết sức tích cực tham dự đời sống cộng đồng tại đó. Nhiệm vụ chánh yếu của tôi là lau chùi, dọn bàn ăn, và trợ giúp làm cho khu vườn rộng lớn trở nên tươi đẹp. Ngoài ra, tôi còn giúp xây cất tòa nhà 7 cạnh là nơi hội họp của chúng tôi.

Ông Bennett được khai mở gần được một năm cùng với 6 đệ tử mình, những người mà ông đã chọn để thẩm định và thử nghiệm latihan. Đồng thời ông cũng thực hiện những khóa tu học The Work mà trọng tâm là sự tự quán cùng với những lối tập khác để quá trình đó trở nên trôi chảy hơn.

Mỗi sáng lúc 7 giờ giới trẻ tụ tập nơi phòng học của ông tại lâu nhất. Thường thường trong những tháng mùa Đông có tiếng lộp bộp của lửa trong lò sưởi; trong lúc đó ông Bennett dạy cho chúng tôi cách làm cho các giác quan trở nên bén nhạy hơn. Chẳng hạn như nghe tất cả những âm thanh khác nhau của lửa. Điều này luôn trước đó là một thời kì tích cực tịnh tâm, khi chúng tôi buông xả để cảm nhận cơ thể mình, bắt đầu với những thớ thịt của khuôn mặt, rồi tới vai, cánh tay, hông, đùi và chân vv... Đó đã từng và vẫn còn là một lối tập hữu ích làm cho ý thức được rõ hơn mà không bị lôi cuốn bởi ý nghĩ.

Lần sáng những người này người nọ tới Coombe Springs báo

cho chúng tôi biết sắp có điều gì mới lạ xảy ra. Một buổi sáng nọ, ông Bennett nói với tất cả chúng tôi: “Có một người đến từ phương Đông làm thay đổi đường hướng tu tập của chúng ta.”

Thực ra, tôi không nghĩ gì nhiều về chuyện đó. Tôi cũng chẳng biết đó là gì.

Tuy nhiên, một vài đêm sau tôi thức dậy trong một trạng thái tỉnh táo chưa từng nghiệm thấy trước kia. Tôi trông thấy một quả cầu ánh sáng phía trên cửa sổ; nó nhập vào đầu mình, rồi đi xuống toàn thân: tôi cảm thấy cực kì vui sướng. Thực vậy, tim tôi muốn nổ tung, vì không thể chứa đựng tất cả. Tôi nghe thấy chính giọng nói mình bảo mình theo những gì người từ phương Đông đem tới. Tôi cảm thấy như mình đã trở về nơi quê hương đích thực của mình. Thế rồi tôi ngủ tiếp.

Những ngày sau đó là những ngày thông thường với việc nọ, nhưng một hôm nọ trong lúc đang trên con đường dẫn tới một tòa nhà gọi là ‘chậu nuôi cá’ (vì có nhiều cửa sổ) tôi tự nhiên chợt nhảy tung nói: “Thì ra là vậy, mình có một linh hồn!”

Bố tôi mất 10 năm trước đó, khi tôi 12 tuổi. Tôi chưa từng thích đáng cho trôi qua được nỗi đau buồn và những vấn đề về cái chết đó. Câu hỏi “Ông ấy đã đi đâu?” vẫn còn làm tôi băn khoăn. Tuy học hành khá nhưng tôi không thân với bất cứ ai, và không thể truyền đạt cảm xúc mất mát và cô đơn của mình. Thay vì vậy, tôi hay than thân trách phận, và tìm sự an ủi với triết học và đọc sách. Tôi nhận thấy cảm xúc mình bị tê liệt, một tình trạng thờ ơ giữa trí óc và tình cảm.

Ngay sau cái chứng nghiệm về quả cầu ánh sáng, tôi đang trên một xe điện đường ngầm ở London, thì chợt cảm thấy bố mình đang ngồi bên cạnh mình. Hình như không chỉ tôi có một linh hồn, mà cả bố tôi nữa. Tôi hiểu rằng linh hồn mình là trung tâm không những nối kết mình với gia đình, mà còn với Vạn Vật. Như vậy thì tôi không cần phải tiếp tục buồn phiền. Điều đó thật khuấy khoả! Tôi không còn cảm thấy cô đơn và biệt lập trong cuộc sống nữa. Thực vậy, lần đầu tiên tôi bắt đầu cảm thấy thật vui sướng.

Điều đó chỉ là một trạng thái tâm linh phấn khích? Tôi đang tự lừa dối mình đến cỡ nào? Điều đang xảy ra khiến tôi cảm thấy nhẹ nhõm, như có một gánh nặng được lấy đi. Tôi cảm thấy như cả tinh thần lẫn thể xác mình như đang được rửa sạch. Latihan là một quá trình rửa sạch, đó là điều ‘người từ phương Đông’ (sau này chúng tôi gọi là Bapak) giải thích cho chúng tôi. Với vài người, điều đó có vẻ như bị ám thị, hay có thể như bị thôi miên. Với tôi bằng chứng về cái bánh là mình đang ăn nó.

Sự tự giác và tự tin của tôi gia tăng. Điều kỳ lạ là cái quá trình tự quán, theo pháp môn ‘The Work’ thì phải nỗ lực, dùng ý chí và ý định, lại tự động tuôn ra một cách tự nhiên.

Cái chứng nghiệm quả cầu ánh sáng xảy ra 6 hay 7 tuần trước khi tôi chính thức được khai mở. Tất cả chúng tôi tụ tập nơi phòng ăn ở Coombe, nhưng không ai giải thích bất cứ gì cho chúng tôi. Chúng tôi được yêu cầu đứng thẳng, tin tưởng quyền năng của Thượng Đế và giao phó cho cái quyền năng đó. Có ai nói “Allahu Akbar” rồi đi vòng quanh phòng. Tất cả chúng tôi nhắm mắt lại, cuối cùng thì tôi nằm trên sàn nhà mà thực sự không hiểu được những gì đã xảy ra, nhưng dù là gì đi nữa, như vậy là đúng và tốt.

Có thể có 5 hay 6 xuất tập mỗi tối, và những động tác có thể rất mãnh liệt. Điều đó gồm những người đi qua cửa sổ, lẩn lộn qua cửa trên một tấm thảm, giậm chân trên sàn nhà tạo nên những tiếng dội như của một nhạc cụ tồi tàn. Trong khi tất cả những điều đó xảy ra, Bapak thật bình thản, và khi đi đứng, cách đi đứng của Bapak thật nhẹ nhàng và sống động. Đó là một thí dụ về chính quá trình của latihan, và cũng là một sự động viên cho những người khác.

Đời tôi bắt đầu thay đổi. Tôi thôi đọc những sách tâm linh, để quan tâm tới những môn học y khoa và mục tiêu của tôi là trở thành một bác sĩ đa khoa hữu dụng.

3. Cuộc viếng thăm Paris 1964

Năm 1964 có tình trạng chiến tranh giữa Anh và Indonesia, bởi Indonesia đã đem quân đánh Malaysia là đồng minh của Anh. Do đó Bapak không thể đến Anh. Thay vì vậy, Bapak đến Paris, và bởi nhiều hội viên Anh cũng tới đó, nên tôi đi cùng họ trong dịp nghỉ cuối tuần.

Căn phòng cho Bapak không rộng, nhưng dù sao chúng tôi cũng đã có thể thích nghi trong đó. Bapak có những buổi nói chuyện và cho tập latihan mỗi ngày trong một phòng họp rộng lớn.

Đó là giây phút trọng đại cho những cựu đệ tử của John Bennett, bởi ông đang có ý bỏ Subud để trở về đường lối ‘the Work’ trước đây, theo cách hiểu của ông. Ông đang nghiên cứu một thuyết về phân loại học (systematics) và nếu tôi nhớ không lầm thì ông cũng đến Paris hồi đó. Trong cái tình thế khó xử đó, Bapak diễn một vở kịch câm mà tôi không bao giờ quên.

Bapak lấy một gói thuốc lá ra đặt trên bàn trước mặt mình.

“Lấy ví dụ gói thuốc lá này là Thượng Đế.” Bapak bỏ gói thuốc lá vào túi áo sơ-mi ngay phía trên tim mình. Kế đến, Bapak diễn kịch câm mình là John Bennett đang đi tìm Thượng Đế khắp nơi. “Nhưng Thượng Đế luôn có nơi đây!” Bapak vỗ nhẹ lên gói thuốc lá trong túi áo sơ-mi.

Như mọi khi, tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc được gần Bapak

và gia đình người.

Có một chuyện xảy ra sau đó mà tôi không bao giờ quên. Varindra ngồi gần Bapak, còn tôi thì ngồi ngay phía đối diện. Tôi muốn hỏi Bapak về ý nghĩa của lễ Phục Sinh nhân dịp Subud xuất hiện, thì Varindra đã đặt một câu hỏi ngay khi đó. Varindra hỏi về ý nghĩ câu chuyện xương sườn của Adam. Tôi hầu như không nghe những gì đang nói, bởi đang có ý định cho bằng được đặt câu hỏi của mình. Lúc cuối buổi nói chuyện, Bapak nhìn thẳng vào mặt tôi mà nói:

- Bạn sẽ không bao giờ đạt được mục tiêu mình, nếu suy nghĩ quá nhiều.

Tôi nổi giận. Tại sao Bapak lại nói điều đó trước mặt mọi người, khi tôi biết đó là nhược điểm riêng biệt của mình? Tôi lái xe trong Paris khoảng 160km/h gây nguy hiểm cho mọi người, tôi hết sức tức giận.

Sáng hôm sau tôi thức dậy suy nghĩ về chuyện đó. “Thôi đủ rồi!” Quả thực như vậy là đủ.

Kể từ đó, lối hành xử của tôi trở nên khác hơn, tối thiểu là trong lúc cuối tuần huy hoàng đó. Vợ tôi mang thai đứa con thứ 3 của chúng tôi, đứa con có tinh thần kỷ luật tự giác khá nhất, phong cách hành xử khá nhất trong 6 đứa con của chúng tôi.

4. Chiếc taxi màu vàng.

Tháng Chạp 1966 tôi đến thăm nhà của Bapak ở Cilandak, ngay sau khi lấy được bằng cấp y khoa khiến có thể có những lựa chọn khác nhau trong đời mình. Tôi đến đó để được an tĩnh và ‘tiếp nhận’ theo khả năng mình cho cuộc đời và gia đình mình. Khi gặp cố nhân Sjafrudin tôi ngạc nhiên là anh đề nghị tôi nên hỏi Bapak, bởi anh đã được đặc ân tiếp nhận cho chính mình.

Bapak nói: “Bạn nên tới Tân Tây Lan.”

Ngay sau khi trở về Anh, tôi có một trong những giấc mơ thâm sâu không bao giờ quên được, và khi nghĩ lại, tôi thấy nó tạo cho mình nghị lực và sự quyết chí làm những gì thông thường mình không làm.



Ibu Kursinah - mẹ Bapak

Trong một giấc mơ tôi trông thấy Bapak đứng bên cạnh một chiếc taxi màu vàng mà cần được có ai giúp mình. Có một vài người đứng chung quanh Bapak mà tôi nhận ra là những anh chị em đang ở Wisma Subud. Tôi đứng đằng sau bên ngoài vòng người chung quanh Bapak. Khi trông thấy tôi, Bapak dùng ngón tay ra hiệu cho tôi đến giúp Bapak. Tôi tuân theo, và khi tôi giúp Bapak đem mẹ Bapak lên taxi, chân tâm mình tức khắc chan chứa một cảm giác thánh

thiện, một sự lẫn lộn giữa vui và buồn – buồn vì chia lìa và vui vì có cái gì khác.

Khi thức dậy, tôi nghĩ: “Đây là việc phải xa người mẹ và quê hương mình.”

Nghĩa lí của giấc mơ đó trở nên trong suốt như thủy tinh chỉ 6 hay 7 năm sau, khi tôi trở thành bác sĩ của Bapak. Bapak yêu cầu tôi trông nom cho bà mẹ mình. Bà là một phụ nữ Java có phẩm cách, tầm cao hơn mức trung bình, một bà mẹ và bà nội của một gia đình đông đảo, sống nhiều năm không nhờ cậy ai tại nhà mình ở Semarang, tự mình đi chợ búa. Bà thỉnh thoảng đến ‘Căn Nhà Lớn’ ở Wisma Subud, trước khi thường trực tới ở nơi mà tôi đến gặp bà vì một số vấn đề. Có một chuyện thú vị là lúc bà bị chứng viêm khớp ở đầu gối.

Tôi đề nghị có lẽ bà nên ngồi lúc làm lễ 5 ngày một lần, thay vì phải phủ phục đúng với nghi thức. Bapak đồng ý nhưng bà không chịu để cho con trai mình dạy đời mình, mà chỉ nói là đời người không đáng sống nếu mình không thể làm lễ một cách hoàn toàn thích đáng.

Tới khoảng 97 tuổi bà bị đau ốm. Tôi không tin là trước đó bà đã đi coi bác sĩ; bà cũng chưa hề có cái ý nghĩ là phải đi coi bác sĩ để được khám nghiệm, và ngay cả những khám nghiệm cơ thể sơ đẳng cũng khiến bà khó chịu. Bapak hoàn toàn mong muốn cho bà sống tới 100 tuổi! Muti, cô cháu gái bà, hồi đó được 17 tuổi, nói: “Bapak thực sự cứ để mặc kệ cho mẹ mình.” Lời nói đó hồi đó tôi cho là có phần nào xấc láo và không thích đáng.

Tên thực của bà Ibu Kursinah. Cho tới nay tôi hình như chỉ còn nhớ tới là Eyang, tiếng Java nghĩa là ‘bà cụ.’ Bà không chịu ăn uống, và ngay cả để cho chất nước vào người, và khi tôi muốn truyền mạch cho bà, bà gạt ra không cho tôi làm. Hiển nhiên bà muốn ra đi. “Đời người không còn đáng sống nữa.”

Một buổi tối nọ lúc gần magrib (làm lễ lúc mặt trời lặn) các con cháu tụ tập bên cạnh giường bà. Tôi đứng chỗ cuối giường nhìn thẳng vào bà. Tôi còn nhớ là có cả Bapak, Haryono, Ismana,

Sharif, Tuti và Rohana.

Tôi chăm chú nhìn bà dựa trên những chiếc gối, khi bà lấy hơi thở cuối cùng, điều này như bà giao phó cho Đấng Tối Cao một cách hoàn toàn tin cậy và thanh thản, để đi từ cái thế giới này tới một thế giới khác qua một cánh cửa trong tâm bà. Nếu đã từng nghi ngờ về sự hiện hữu của Thế Giới Bên Kia, thì bây giờ tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Cũng ngay trong lúc đó, tôi nhớ tới cái giấc mơ 7 năm trước đó. Năm bà mất cũng là năm bắt đầu có những chiếc taxi màu vàng ở Jakarta.

Nghĩ lại vụ đó, tôi nhận thấy có một mối liên hệ hết sức rõ rệt giữa giấc mơ và cái hướng đi của cuộc đời mình. Cái sống và cái chết đã và đang còn là một vấn đề trọng đại, và cách mình sống như thế nào rất giống cách mình chết khi phải chết. Nếu hiện nay không thể 'cứ mặc kệ' thì sau này tôi cũng sẽ không thể làm được như vậy. Thế nên, nếu ai đó là một gương mẫu cho sự chân thực của 'cứ mặc kệ' thì đó là nguồn cảm hứng và một bài học giúp ích cho đời tôi.

5. Một tiếng sét đánh

Khi còn sống, Bapak thường nhắc nhở chúng ta đọc Susila Budhi Dharma. Nguyên bản là những vần thơ với những giai điệu êm ái mà Bapak đã tiếp nhận được bằng tiếng Java cổ. Tuy thế, ý nghĩa những vần thơ đó vẫn còn nhận thấy được qua bản dịch bằng tiếng Bahasa Indonesia của chính Bapak. Tất nhiên phải tốn nhiều công phu mới dịch đúng được qua tiếng Anh.

Hình như Bapak mong muốn chúng ta hiểu được quá trình phát triển của cái latihan mà chúng ta theo tập. “Đừng hài lòng với việc chỉ có động tác và phát ra âm thanh, mà hãy đi sâu hơn để ý thức được nguồn gốc và mục đích của những cái đó.”

Trong một giây phút có vẻ cam chịu giữa những năm 1980, Bapak nói: “Nếu các bạn quên hết những gì Bapak đã nói với các bạn, thì chỉ việc tiếp tục tập latihan; như vậy thì các bạn sẽ tìm thấy được sự thật cho chính mình.”

Hiển nhiên là Bapak không có những buổi nói chuyện để giúp vui, hay chỉ để được gần cận chúng ta. Bapak giảng giải đi giảng giải lại nghĩa lí, lợi ích và quá trình của latihan. Bapak hy vọng các phụ tá cũng sẽ hiểu được để giúp mình truyền bá latihan cho Toàn Thể Nhân Loại.

Một Chủ Nhật nọ tôi có mặt tại phòng tập latihan của Wisma Subud, khi Bapak đang có một buổi nói chuyện, và một lần nữa khuyên chúng ta đọc Susila Budhi Dharma. Chợt có một anh hội

viên trẻ Indonesia hỏi:

- Bapak đã viết về những thế giới của sức mạnh hạ đẳng, tại sao Bapak không viết về 3 thế giới cao hơn những cái đó?

Ngay lúc đó có âm thanh của điều gì như một tiếng sét đánh khiến tất cả chúng tôi rùng mình. Bapak bực tức la hét:

- Hãy đứng tại chỗ mình đang đứng! Nếu chưa ý thức được sự hoạt động và ảnh hưởng của những sức mạnh hạ đẳng, thì sẽ không bao giờ lên cao hơn được hay ý thức được những thế giới cao hơn của những sức mạnh đó!

Vậy, tại sao Bapak đã có những buổi nói chuyện, và còn khuyên chúng ta đọc hay nghe những gì mình nói? Đôi khi trong lúc đang đọc một bài nói chuyện, hay đang nghe một buổi nói chuyện, tôi tự nói với mình: "Mình đã phải hiểu cho chính mình, nhưng mình chưa hiểu được." Tôi liền cảm thấy mình phải mang ơn sự hướng dẫn của Bapak cho sự hiểu biết của mình – nó làm ra vẻ đã biết được, nhưng thực ra chưa biết được gì.

6. Đi đứng theo Zikr

Thình thoảng Bapak thường hỏi chúng tôi có chứng nghiệm gì không về những gì 'đi ra ngoài cái thông thường,' điều là bằng chứng của latihan trong bản ngã mình. Theo tôi thấy, Bapak cũng muốn coi đó là bằng chứng cho chính về sự tiến bộ của chúng tôi.

Trong một Ramadan nọ, Bapak lại hỏi một lần nữa: "Có ai trong các bạn đã nghiệm được điều gì mới lạ trong Ramadan, điều gì là bằng chứng về Ân Huệ của Thượng Đế cho sự trai giới của mình?"

Có một vị nói là mình đã trông thấy 4 Kỳ Sĩ của Sách Khải Huyền (tượng trưng cho dịch hạch, chiến tranh, nạn đói và cái chết) Bapak không bình luận gì, mà chỉ hỏi còn có ai khác hay không. Tại sao tôi đã quyết định nói tới cái chứng nghiệm của mình thì tôi không biết, bởi nó có vẻ là điều không đáng chú ý.

Tôi nói: "Tôi đang đi chung quanh phòng latihan lúc 1 giờ sáng đêm thứ 21 của Ramadan, thì chợt nhiên nghiệm thấy một cảm giác vui sướng trong chân, điều khiến tôi cảm thấy rất nhẹ nhõm."

- Mời bạn đứng dậy biểu diễn cho Bapak thấy, Bapak nói.

Tuy khó nghiệm thấy điều đó lần nữa nhưng tôi cũng thử tiếp nhận lại.

- Đúng là như vậy, Bapak nói, đó là zikr, tức là chân bạn đang phụng thờ Thượng Đế. Đó cũng là cách bạn có thể tự chữa trị cho mình nếu đau ốm .

7. Bệnh tim đầu tiên của Bapak

Trong năm 1972 Rohana nhận được một cú điện thoại khẩn cấp từ nhà Bapak yêu cầu tôi tới ngay. Tôi không có mặt ở nhà vì công vụ, nhưng ngay sau khi tới phòng khám bệnh của mình, tôi nhanh chóng trở về Wisma Subud tới ‘Căn Nhà Lớn.’

Bapak đang nằm lưng dựa trên giường nói là mình cảm thấy hơi mệt mỏi và đau trên vai bên trái. Bapak hoàn toàn thụ thái, mà chỉ hơi tò mò muốn biết mình đang bị gì. Khi đang ngồi, nằm hay đi đứng, Bapak luôn có một thái độ dường hoàng tự tin một cách rất ấn tượng.

Tôi khám nghiệm cơ thể và nhận thấy nhịp tim của Bapak đập rất nhanh, với thỉnh thoảng những nhịp đập yếu. Huyết áp thì dưới mức bình thường. Tình cờ vừa mua một máy đo nhịp tim, nên tôi vội vã về phòng mạch mình lấy máy đó làm một điện tâm đồ cho Bapak. Tôi kinh ngạc nhận thấy những điều chứng tỏ chứng nhồi máu cơ tim.

Tôi kêu điện thoại cho bác sĩ chuyên khoa tim Art Hegelstein, một đồng nghiệp làm việc tại Sứ Quán Mỹ. Khi tôi đưa điện tâm đồ cho anh coi, anh thân nhiên nói với tôi: “Làm sao nhận vật này còn sống được? Tất cả phía trên của tâm thất bên trái đã bị nhồi máu.”

Tôi đến bên giường Bapak trở lại để cho Bapak hay những gì người ta nói với mình. Tôi nói: “Bapak biết tôi chỉ là một bác sĩ đa khoa. Bapak cần phải vào bệnh viện để cho một bác sĩ chuyên

khoa tim săn sóc cho mình.

Bapak nói: “Không cần. Bạn sẽ tiếp nhận được những gì phải làm cho Bapak, và Bapak sẽ y theo sự điều trị của bạn. Ngoài ra, đừng lo nghĩ gì, các Thiên Thần là y sĩ chuyên khoa của Bapak.” Khi đánh máy những hàng chữ này vào máy cho hồi kí, tôi vừa cười, vừa khóc, vừa xúc động đến nghẹn lời. Thật không ngờ được có một đức tin như vậy là quyền năng của Thượng Đế sẽ bảo vệ mình và sứ mệnh của mình, nhưng một cách khiêm tốn khiến đáng phục.

Mỗi ngày tôi kiểm nghiệm lại với anh Art Hegelstein, theo chương trình làm việc của mình, và tìm cách tiếp nhận những gì phải làm. Tôi tràn trề nghị lực. Tôi hoàn toàn không tin Bapak sẽ chết.

Câu hỏi thường đặt ra là “Tại sao một Sứ Giả của Thượng Đế lại không quan tâm tới cơ thể mình?” Bapak hút thuốc. Bapak béo phì. Bapak không tập thể dục theo đúng điều phải làm, mà còn uống rất nhiều Coca Cola, một thức uống đầy đường nguyên chất. Câu hỏi đó tôi không giải đáp được, mà chỉ có thể nói Bapak cố gắng hết sức mình để truyền lại cho toàn thể Nhân Loại cái Ân Huệ sự tiếp nhận tâm linh của Subud. Thường thường Bapak không sống một cách thanh đạm. Hiện nay không ai mà không biết tới những tác hại của hút thuốc, hay những tác hại của việc có quá nhiều chất đường trong sự biến dưỡng của cơ thể.

Bapak chưa bao giờ nói mình hiểu biết hết mọi chuyện, nhưng chúng ta lại thường cho Bapak phải là như vậy vì sự ngưỡng mộ và tôn sùng của mình.

Đó là những giây phút quý giá trong đời tôi.

8. Selamatan cho John Bennett

Có những hướng đi không cùng chí hướng sau sự bành trướng ban đầu mãnh liệt của con số những người được khai mở trong Subud trong những năm cuối của 1950 và những năm đầu của 1960. John Bennett nhận thấy rõ rệt mình không có chỗ đứng trong Subud nếu là sự phụ. Trong cuốn *Concerning Subud* ông đã tiên tri là Subud sẽ bành trướng tới hàng triệu người. Có lẽ ông đã bắt đầu hoài nghi Subud sẽ đích thực có ích cho nhân loại.

Ông được nhiều người tôn kính trong phong trào Gurdjieff, và hậu quả sự vỡ mộng với Subud là ông đã trở về với lối tu Gurdjieff gọi là The Work để thuyết giảng trở lại về nó. Ông trả lại thẻ phụ tá. Những bức thư ông viết hồi đó cho Bapak thật đáng đọc, và hồi đáp của Bapak cũng thật cảm động.

Một vài môn đồ trước đây của ông cảm thấy là ông không màng gì tới Subud nữa. Tuy nhiên, nhiều người chúng tôi mang ơn ông rất nhiều. Trước hết, nhờ ông mà chúng tôi đã vào Subud; kế đến là sự tử tế và chăm lo của ông trong những năm chúng tôi là môn đồ của ông tại Coombe Springs.

Đương nhiên, ông đã ảnh hưởng rất nhiều tới chúng tôi. Ông là một người nghiêm túc suy tư sâu lắng về tình trạng của nhân loại, điều được phát biểu thật tài tình trong những cuốn *Crisis in Human Affairs* và *What Are We Living for?* Ông có một kiến thức bác học về Khoa Học và Tâm Lí Học, cùng với huyền học cổ xưa.

Tôi thấy hình như ông không vui sướng. Trong một thời gian sau

khi được khai mở và lúc Bapak lưu lại Coombe Springs, Bennett vui sướng điên lên. Ông cười rất nhiều. Ông như một đứa bé. Đối với chúng tôi đó là một sự thay đổi khó tin, khi chúng tôi chứng kiến điều đó nơi một người mà mình cho là đã đạt được một trình độ tâm linh đặc biệt. Có thể nói điều chúng tôi chứng kiến là sự khác biệt giữa Bản Chất và cái phong cách tôn sư của ông mà nhiều lần ông đã chứng tỏ.

Có lần tôi dự một buổi họp của nhóm mình trong đó Bennett nói rằng chúng ta không được quên những nguyên tắc của The Work và những bài học trước đây. Điều khiến tôi ngạc nhiên là tôi thấy chính mình nói: “Không đúng! Tất cả đã thay đổi. Tôn Sư chúng ta là trong tâm chúng ta, và đó là vị Tôn Sư chúng ta phải nghe theo.” Điều đó cũng khiến Bennett ngạc nhiên.

Tôi thuộc một nhóm gồm vài người tụ tập chung quanh Sjafrudin, một phụ tá Indonesia mà Bapak để lại ở Coombe. Vai trò của Sjafrudin là trông coi sự tu tập latihan theo đúng sự hướng dẫn của Bapak. Bắt đầu đã có ở Coombe một sự phân chia ranh giới giữa The Work và latihan. Điều đó khiến khó chịu nhưng là cần thiết.

Bây giờ tôi nhảy tới những năm đầu của 1970. Tôi đang ở Wisma Subud thì nghe tin về cái chết của Bennett. Tôi đến gặp Bapak để hỏi chúng ta có nên hay không làm một selematan cho linh hồn của Bennett được tốt phúc. Câu trả lời của Bapak là điều tôi không bao giờ quên:

- Cầu nguyện cho linh hồn người nào đó thì luôn không có gì là sai trái. Nhưng có hiệu quả hay không thì ăn thua ở người mà chúng ta cầu nguyện cho có muốn được như vậy không, và lòng chân thành của người cầu nguyện. Thế nên, Bapak sẽ đến dự selematan, và cũng sẽ nói vài điều về John Bennett.

Cái selematan đó làm ở nhà chúng tôi, với sự tham dự của những người ở Wisma Subud trước kia là môn đồ của Bennett và quen biết ông. Chúng tôi ngồi theo vòng tròn, bên cạnh tôi là Sharif Horthy và cạnh anh là Bapak. Trong lúc đang cầu nguyện, tôi cảm thấy một nỗi buồn thâm sâu, như có những cục chì đang tụ tập

nơi giữa ngực. Sau khi cầu nguyện xong, Bapak đứng lên ra về sau khoảng 2 phút; thường thường thì Bapak lưu lại nửa tiếng đồng hồ hay lâu hơn, và Bapak cũng không nói bất cứ gì về John Bennett. Chỉ anh Sharif hình như cảm thấy những gì tôi đã cảm. Tất cả những người khác đều hài lòng với selamatan.

Bapak đã có những buổi nói chuyện giải thích thật rõ những con đường tâm linh khác nhau qua thí dụ về chuyện Anwas và Anwar. Trong chuyện đó, Anwas tìm cách nhận được Ân Huệ Thượng Đế qua sự khắc nghiệt vận dụng nỗ lực của chính mình, điều bao gồm cả trai giới, thiền định và sự không sở hữu của cái vật chất. Trái lại, điều Anwar làm là chỉ tiếp nhận Ân Huệ tương ứng với đức tin và sự quy thuận của mình. Không có sự cố ý hay ham muốn. Anwar trực tiếp tiếp nhận của Thượng Đế, và nghiệm được sự Thăng Thiên. Theo tôi, chắc ông Bennett cũng nhận thấy rõ sự khác biệt đó. Hình như ông đã không tự giúp được cho chính mình.

Có một việc khác tôi muốn ghép vào chuyện này là điều xảy ra tại Hội Nghị Subud Quốc Tế ở Anugraha trong năm 1983. Đó là lúc bà quả phụ Elizabeth Bennett cũng tới dự. Bapak tuyên bố là trước lúc chết John Bennett đã viết thư cho Bapak nói là mình nhìn nhận latihan thực sự là Ân Huệ của Thượng Đế, và xin Bapak tha thứ cho mình.

Cho tới nay, chúng tôi không truy nguyên được bức thư đó. Tuy nhiên, anh Rashid Carre nói mình có mặt trong lúc Bapak tuyên bố điều đó tại một buổi họp lúc tối của phụ tá ở Wisma Subud, và Bapak đã kêu Sudarto đi lấy bức thư đó từ Văn Phòng của Subud. Có lẽ bức thư đó nằm nơi nào đó trong Văn Khố của Subud.

Chuyện đó hệ trọng? Theo ý tôi, thật hệ trọng. Trước hết, bởi chính Bapak đã công bố. Kế đến, bởi Bennett là người đã giữ một vai quan trọng trong sự bành trướng của Subud trong những ngày tháng đầu tiên, nhưng lại trải qua một thời kì hoài nghi khiến trở lại với những thói quen trước kia là sự 'Đi Tìm Chân Lí.' Nhưng khi sắp tới đoạn cuối cuộc đời trần gian của mình, ông nhận thấy cái Chân Lí mình đi tìm luôn hiện diện trong tâm mình. Đó là điều gì thực sự hệ trọng, nhất là với những ai trước kia đã chịu ảnh

hưởng của ông và tin cậy ông.

Tôi nhớ tới một giấc mơ về Bennett, ngay sau khi ông trả lại thẻ phụ tá. Trong giấc mơ tôi theo một khuôn mẫu thường có trước đó. Tôi bước lên những tầng lầu ở Coombe Springs để tới phòng làm việc rộng lớn của ông, nơi giới trẻ thường tụ họp trước lúc ăn sáng trước khi đi làm những công việc này nọ. Tôi đến để xin ông chỉ giáo. Ông nhìn tôi nói: “Cậu không biết hay sao là tôi hoàn toàn không biết gì hết?”

Hiện nay có những lúc trong đời mình mà tôi cũng có thể nói y như vậy. Không phải là điều gì tiêu cực; đúng ra trái lại là khác. “Chỉ Thượng Đế là biết được” là một câu nói hiện nay không thường nghe thấy. Triết gia Socrate đã tài tình làm cho thiên hạ nhận biết được sự dốt nát của họ, điều là khởi điểm cho sự hiểu biết được điều gì đó. Chính Bennett cũng nói về Tri Thức và Bản Thể.

Tôi biết mình cần phải tiếp tục cố gắng để thiết tha với cuộc sống. Nhưng tôi cũng biết chắc chắn thực sự được hạnh phúc hay không là điều không tùy thuộc sự cố gắng của mình. Mà chỉ tùy thuộc sự nhận thức được cái Ân Huệ bao trùm tất cả chúng ta, cảm nhận được lòng biết ơn cái Ân Huệ đó.



tác giả và vợ

9. Chiếc váy người Scotland

Trong những lớp như của củ hành tạo thành bản ngã, có một lớp thuộc Bản Ngã Quốc Gia. Đôi khi cái Bản Ngã đó rất muốn cho người ta nhận biết mình qua cách ăn mặc, ngữ giọng trong cách ăn nói, nhưng đôi khi nó cũng muốn được kín đáo hơn.

Bapak sắp xếp cho tất cả chúng có một buổi liên hoan tại nhà mình ở Wisma Subud, đồng thời yêu cầu chúng tôi ăn mặc theo quốc phục của chúng tôi. Tôi đi mượn một chiếc váy người Scotland (người Scotland có thể ăn mặc theo cách nào khác?) của một người bạn mình, còn Rohana thì mặc một áo có kiểu sọc ca-rô.

Cả hai chúng tôi hát bài dân ca 'Over the Sea to Skye.'

Tôi nhận thấy chiếc váy mình khiến mình cảm thấy là thủ lĩnh của những chiến sĩ, và tôi không thể quỳ trên đầu gối mình trước mặt Bapak (theo tục lệ Indonesia) điều khi làm tôi thường cảm thấy thoải mái.

Cuối cùng tôi nhận thấy trong những lớp như của củ hành có cái gì đó trung thành hơn với Con Người (Một Nhân Loại Duy Nhất), có quyền ưu tiên hơn lòng trung thành với quốc gia. Tuy thế, việc cảm thấy mình là người Scotland trở nên thật mãnh liệt khi tôi có mặt tại đất nước mình, hay ngay cả khi ăn mặc quốc phục.

Như Bapak thường hỏi: “Chúng ta ăn mặc quần áo, hay quần áo ăn mặc mình?”

10. Jaga Malam và cây dù bằng vàng

Từ năm 1967 tới 1969 là những năm tuyệt vời nhất trong đời tôi. Tôi hầu như không có chút của cải gì, tiền bạc hay sự an toàn vật chất, nhưng hạnh phúc thì nhiều vô cùng và việc cảm thấy sự phát triển của cả nội và ngoại giới.

Trung tâm của điều đó nằm trong một tòa nhà, nơi tập luyện xưa kia của Wisma Subud. Cái tòa nhà một tầng đó nằm tại góc vuông của một con đường đầy ổ gà. Nó cách đường khoảng 50m, bên cạnh là một khu vườn và căn nhà mới xây cất của Bapak. Mái nhà gồm những ngói bằng đất làm gốm, tường nhà làm bằng gạch than xỉ, sàn nhà thì bằng những ngói màu xám.

Lối ra vào dùng làm văn phòng. Một góc nơi đó có một ghế bành mộc mạc với một cái bàn phía trước và bên cạnh. Hầu hết những buổi tối, Bapak thường dùng ghế đó.

Qua một cửa hai cánh người ta bước vào phòng tập luyện, đủ thoải mái chứa được khoảng 50 người. Bên phải tòa nhà là nhà gia đình Pak Sudarto, bên trái là nhà Pak Prio Hartono, những thành viên văn phòng của Bapak.

Những năm 1964 tới 1966 là thời kì xáo trộn chính trị và xã hội cho Indonesia, với sự kết thúc nhiệm kì tổng thống của Bung Sukarno. Đặc biệt là sự tranh chấp giữa quân đội và đảng Cộng Sản, mà khoảng một triệu người đã phải bỏ mạng. Khu vực của Subud, với những quan hệ với người Tây phương, có tên trong danh sách những gì phải loại trừ của đảng Cộng Sản. Một người anh em Subud giàu có (Erling Week) đã bị cướp bóc lúc ban đêm.

Do đó mà phải jaga malam hay canh gác ban đêm. Có thể coi đó là một việc làm hữu ích để phòng ngừa những kẻ xâm nhập với ý đồ bất chính. Nhưng điều đó cũng mang một ý nghĩa khác, một ý nghĩa nội tâm. Cái tập tục không ngủ đêm của người Java là một prihatin, điều gì như một kỉ luật tự giác, hay sự cầu nguyện cho tai qua nạn khỏi.

Lúc tôi đến là tháng 11 1967, nhưng hầu hết mọi nguy cơ đã vượt qua được, cái tập tục jaga malam thì còn duy trì khi 20 tới 30 người chúng tôi mỗi đêm tụ tập nơi ra vào của phòng tập latihan. Đáng lí phải là trách nhiệm và bổn phận thì lại thành một sự vui thú. Vui thú gì? Vui thú được bên cạnh Bapak. Điều đó lại thành một chứng nghiệm nội và ngoại giới. Bapak thường kể chuyện và nói đùa, đôi khi làm trắc nghiệm với chúng tôi, nhưng điều đích thực khiến chúng tôi tới là muốn đẩy mạnh latihan trong tâm mình, để tạm thời đưa mình lên một trình độ cao thâm hơn. Cho tới bây giờ tôi còn nhớ tới những âm thanh của ve sầu, sự rung động tập thể của những cái đó trở nên ồn ào rồi êm dịu hơn, hình như để tương xứng với những gì xảy ra trong cảm xúc chúng tôi. Điều này như là các ve sầu biết được chúng tôi ra sao để hòa điệu cùng chúng tôi. Thường thường chúng tôi đi ngủ lúc 3 giờ sáng, rồi thức giấc lúc 6 giờ mà cảm thấy thật tươi tỉnh.

Vợ con tôi ở một nơi ổ chuột, gọi như vậy là vì không những chỉ có những thứ hoàn toàn căn bản, mà còn là những vỏ chuối vứt bừa bãi bên ngoài trên con đường bê-tông. Bốn đứa (sau này là 5) con tôi ngủ trên hai chiếc giường đôi trong một phòng. Không có bếp ga hay điện, tủ lạnh hay máy lạnh. Muốn mát thì phải dội nước trên cơ thể, 3 hay 4 lần mỗi ngày. Mọi người đều ốm nhom. Trong một thời gian ngắn, tôi từ 90kg chỉ còn 67kg. Bơ, sữa và thịt vẫn còn là những xa xỉ phẩm. Năm này qua năm khác làm xóa đi những khó khăn của sự thích nghi với một văn hoá và khí hậu mới lạ. Tất cả những điều đó được bù trừ, bởi tất cả chúng tôi đều cảm thấy thân thiết nhau, bất chấp giai cấp, quốc tịch, của cải hay giáo dục. Chúng tôi tự gọi mình là Hội Huynh Đệ Subud, một từ ngữ mà nghĩa bao gồm cả nam lẫn nữ, cùng với con cái họ.

Một đêm nọ trong lúc thức khuya cùng Bapak, tôi phải đi coi một bệnh nhân đã té rớt khiến vai bị thương tích, khi say rượu trào lên

một cột cờ. Điều đó thực sự như từ thiên đàng đi vào điều gì như địa ngục.

Văn hóa Java có biểu tượng Cây Dù Bằng Vàng, điều tượng trưng cho Ân Huệ hay Wahyu truyền xuống cho một người nào đó. Theo tôi thấy, nhiều người chúng tôi bị sự lôi cuốn của cây dù Bapak, khiến chúng tôi muốn tụ tập dưới sự che chở của nó.

Bapak làm trắc nghiệm với chúng tôi, để tìm cách làm ý thức được một vài thực tại tâm linh. Với tôi những trắc nghiệm đó có vẻ như cho thấy tâm linh mình vẫn còn thuộc trình độ lớp mẫu giáo.

Những gì tôi kể lại về những ngày tháng đó có thể khiến cho không thấy được sự tương phản lạ lùng giữa sự thân tình với Bapak và đồng thời việc cảm thấy sự hiểu biết, nhận thức và trong lành của Bapak thì hơn chúng ta rất nhiều.

Năm 1969 những nói chuyện của Bapak càng lúc càng tập trung vào kinh doanh để đem tâm linh vào vật chất. Những ngày tháng tụ họp dưới Cây Dù Bằng Vàng với Bapak thì không còn nữa. Điều này tùy ý mỗi người chúng tôi, nếu tuân theo latihan một cách chân thành, kiên nhẫn và tin cậy để tìm thấy cách ứng dụng tốt đẹp nhất.

11. Ibu Sumari

Trong tất cả những người mà tôi đã gặp trong đời mình, Ibu Sumari là người tôi đặc biệt mang ơn.

Bà là một người rất xứng đáng với cái danh hiệu Ibu hay Bà Mẹ. Trong những năm tháng quen biết bà, tôi bắt đầu cảm thấy sự tận tình của một người mẹ với mình và vợ con mình, và tôi cũng đáp ứng lại điều đó như bất cứ một đứa con trai nào. Nhiều người khác đến Wisma Subud cũng nhận thấy cái tình cảm đó của một người mẹ.

Nếu tôi nói Ibu Sumari trước kia và còn luôn là một tâm hồn vĩ đại, thì những ai không có là bao đã quen biết bà sẽ không phản đối. Bà có hai người con với đời chồng trước kia: cô con gái Rochanawati và một người con trai mà tôi không biết gì hết về anh, cho tới khi anh về dự đám tang bà đầu năm 1971. Người ta đồn rằng anh là một kẻ theo Cộng Sản, nên cần phải lẩn trốn.

Giữa năm 1941 Ibu Sumari đến gặp Bapak với tư cách một đệ tử muốn tầm sư học đạo, lúc Bapak góa vợ với 4 người con. Trong tự truyện Bapak thuật cuộc gặp gỡ đó và hôn nhân của mình một cách giản dị và tươi đẹp.

Khi lần đầu tới Jakarta trong tháng 11 1967 với 4 đứa con, còn Rohana thì mang bầu đứa thứ 5, chúng tôi chỉ có ý định tạm dừng chân ở đó trên con đường tới Tân Tây Lan. Khi Rohana hỏi Bapak là mình có thể sinh đứa bé ra ở Jakarta hay không, Bapak nói sẽ

cho biết sau này.

Chẳng bao lâu, Bapak kêu Rohana đến nói có thể ở Wisma Subud với con cái, còn tôi thì nên tới Tân Tây Lan kiếm tiền nuôi vợ con ở Cilandak.

Ibu Sumari kêu Rohana tới ở chái nhà của Ibu Susila để chăm lo sức khỏe cho mình. Bà cũng mong mỗi sáng Rohana nhờ mình giúp ích cho Rohana và con cái.

Khi nhà chúng tôi xây cất xong cuối năm 1969, chính Ibu Sumari là người đã sắp xếp làm selematan. Theo tập tục, người ta phải làm một 'selematan' để cầu nguyện cho hạnh phúc của một gia đình có nhà mới, và cho những giao tình tốt đẹp với hàng xóm. Bà sắp xếp những thứ được ăn sau khi người imam của địa phương cầu nguyện xong, cho những người đến chúc mừng chúng tôi và cho những ai đến ở hay thăm Wisma Subud. Đại sự đó là một sự kiện vui vẻ khó quên được. Bà đã giúp chúng tôi nhiều trên con đường có quan hệ tốt đẹp với những hàng xóm Indonesia.

Ibu nói tôi là 'benari.' Tức là dũng cảm và táo bạo. Tôi biết mình có thể táo bạo, nóng vội, có vẻ thiếu lễ độ trong cái thế giới trang nhã nhạy bén theo lối cư xử của người Indonesia. Có lẽ bà đã cảm thấy là phải dũng cảm mới dám vào một quốc gia 'mình không nhận ra', còn nghèo kém và bất an. Tuy nhiên, chúng tôi không nghĩ như vậy, chúng tôi hết sức cảm kích được tấm gọi trong cái không khí bao quanh Bapak và Ibu.

Ibu bắt đầu dùng tôi là y sĩ. Bà bị bệnh đái đường, nhưng hồi đó chưa có cách tự định phân lấy chất glu-cô trong máu. Tôi cảm thấy như vậy quá sức 'táo bạo', khi đề nghị bà không dùng những thức uống ngọt và đường bỏ vào trà.

Một sự cố xảy ra trong năm 1970 là điều những ai đến dự sẽ không bao giờ quên. Đó là một buổi liên hoan Bapak làm để ăn mừng sinh nhật Ibu, nhưng không ai trong chúng tôi hay được đó là lần cuối. Bapak khuyến khích tất cả chúng tôi cứ việc thân nhiên thoải mái mà ca những bài hát mình thích nhất. Nhiều người chúng tôi đã hát, hay chơi nhạc cụ. Bapak cũng bắt đầu hát. Tất

cả trở thành một bài hát khác với trước kia, thấm sâu vào cảm xúc chúng tôi. Hình như tất cả chúng tôi càng lúc càng được gần gũi Bapak hơn.

Buổi liên hoan kéo dài tới sáng, và khi về nhà chúng tôi thấy lòng mình 'tươi như hoa,' nhẹ nhõm và vui sướng, chỉ cần ngủ vài giờ cho tới lúc sáng hẳn. Tôi có thể không ngần ngại nói rằng đó là buổi liên hoan tốt đẹp nhất mình được dự.

Một hôm nọ, bà bị viêm a-mi-đan, và tuy dùng trụ sinh nhưng tình trạng bà nhanh chóng trở nên tệ hơn. Tôi nhận thấy sự gia tăng của glu-cô và hiện diện của ketones trong nước tiểu bà, và như vậy tức là bà có thể bất cứ lúc nào bị hôn mê do bệnh tiểu đường. Tôi muốn cho bà vào bệnh viện là nơi tình trạng hóa sinh của bà có thể được giám sát. Ở Indonesia hồi đó các bệnh viện là nơi cho hầu hết những ai muốn chết. Bapak nói với tôi là Ibu muốn ở nhà với mình, và dù sao thì cũng chưa tới lúc bà chết. Tôi thực sự cũng không biết gì nhiều về bệnh viện lớn nhất của Indonesia, nên không thể biện luận với Bapak. Dù sao, tôi cảm thấy Bapak nói như vậy là đúng.

Thật đáng buồn, sự việc không được như vậy. Chẳng bao lâu, Ibu bị hôn mê, và người ta gọi tôi đến nhà bà. Tôi lập tức làm CPR (cardiopulmonal reanimation: làm cho tim và phổi hồi sinh) ngay lúc tim bà ngưng đập. Bapak bước vào phòng ngay lúc đó, và tôi thấy hình như khuôn mặt Bapak biểu lộ sự ngạc nhiên.

Tôi tự hỏi kể từ đó và trong nhiều năm sau là mình có đủ 'berani' hay không để giải thích rõ rệt và cặn kẽ cho Bapak tại sao mình đã đề nghị cho Ibu vào bệnh viện. Điều đó luôn là như vậy khi một bệnh nhân chết. Tôi đã làm đủ những gì phải làm? Sự việc có thể trở nên khác hẳn, nếu tôi đã thích đáng làm công việc mình? Cuối cùng thì như vậy là xác xược nếu muốn tìm hiểu nhiều hơn, bởi trong cái Bản Ngã thâm sâu của mình tôi cảm thấy Định Mệnh của bà là phải chết.

12. Đầu bạn ở đâu?

Có những chứng nghiệm với Bapak cho tôi thấy những điều thực sự có ích cho đời mình.

Tôi hay suy tư, không thực sự là suy tư, mà là những tiếng nói líu lo thường xuyên và vô nghĩa, những gì trong đầu ngăn cản sự nhận thức và tri giác về những gì đang xảy ra. Tôi cũng không tin trác nghiệm. Có thể nói tôi là kẻ 'cứng đầu cứng cổ', tuy có những latihan rất thoải mái làm mình cảm thấy vui sướng và khoẻ mạnh.

Bapak không là người chỉ muốn thoi mạnh vào một trong những đứa con mình, để thức tỉnh nó. Nhưng tôi vẫn không tin, trừ phi mình có bằng chứng đó là một dụng cụ để tự giác, tự chỉnh và tu tỉnh.

Điều đó khiến thành lại một đứa bé với tất cả sự chân thật và tôn kính trong lòng tất cả chúng ta.

Trong một buổi nói chuyện lúc Chủ Nhật tại phòng tập latihan của Wisma Subud, với khoảng 150 người đang ngồi, tôi được mời lên đứng trước mặt Bapak. Như mọi khi, Bapak thư thái ngồi trên ghế. Trong tầm với của tay Bapak là một ly nước và ly trà mà cô cháu gái Tuti mang tới. Bapak đang nói về sự phát triển của trí óc con người.

- Mời bạn Rachman lên đây.

- Bạn hãy tịnh tâm.

- Đầu bạn ở đâu?
- Bạn đã tiếp nhận được?
- Không có gì, tôi đáp.
- Tiếp nhận một lần nữa, đầu bạn ở đâu?
- Bạn đã tiếp nhận được?

Tôi cảm tạ Thượng Đế là Bapak đã kiên nhẫn tiếp tục làm trắc nghiệm với tôi, bởi sự kiên nhẫn là điều tôi cần lúc đó. Bất cứ gì xảy ra khiến tôi buông xả, điều đó đã xảy ra, có lẽ lúc lần thứ 3 hay thứ 4.

Chợt nhiên, tôi cảm thấy sự hiện diện của chính mình trong óc não mình. Ban đầu hình như phần nhiều chỉ là phía trước óc não. Trắc nghiệm với tôi của Bapak có vẻ như thắm sâu hơn, khi Bapak giải phẫu óc não tôi thành từng miếng mỏng, tới phía giữa rồi phía sau. Tôi làm một cuộc hành trình trong bộ óc mình. Nó trở thành một người bạn, chứ không là một kẻ gây phiền phức.

- Bây giờ bạn hãy để trí óc mình trộn lẫn với trí óc của Vũ Trụ.

Tôi hoàn toàn không còn nhớ được cái trạng thái đó. Tất cả những gì tôi nhớ được, khi đưa chuyện này vào máy tính, là sự lay động của toàn thân mình, và những giọt lệ chảy trên má. Sự ngạo mạn của tôi bị hạ thấp xuống, và cái ý nghĩ coi mình là trung tâm bị xét lại.

Tôi có thể nghe Bapak nói và khúc khích cười nơi đang ngồi: “Yah, yah, Rachman thậm chí không còn nhớ tới vợ con mình trong trạng thái này.”

13. Bạn còn có thể chơi đàn vĩ cầm và dương cầm

Tháng 11 1969 chúng tôi tới Jakarta để đến cư ngụ tại Wisma Subud, nơi ở của Bapak. Chúng tôi là khách của Bapak, hay đúng hơn là những người trong cùng một gia đình rộng lớn, điều mà tất cả chúng tôi đều cảm nhận được.

Như tôi đã giải thích, lúc đó vẫn còn rất lộn xộn do tình hình chính trị. Hậu quả là có tập tục 'jaga malam' lúc ban đêm, tức là thức đêm để canh gác. Bapak cũng có mặt trong việc đó, thường tiếp nhận và nói chuyện về đời sống tâm linh. Bởi đây là Indonesia, đặc biệt là Java, nên những gì thường nhắc đến là của nền văn hóa cổ xưa của Java.

Tôi khó có thể chuyển đạt cái không khí của lúc đó, bởi đó không chỉ là những chuyện thú vị. Chúng tôi được đem tới cái phần thanh thản và thâm sâu của chính mình, đồng thời cũng cảm thấy gần gũi với nhau và với Bapak. Chúng tôi bắt đầu cảm thấy tình thương của Bapak với mình, và sự cần phải đáp ứng lại cái tình thương đó. Việc ai là Cha, ai là Con, thì không còn gì phải nghi ngờ nữa.

Khoảng năm 1970 những buổi thức đêm hầu như không còn nữa. Sau khi Ibu Sumari qua đời đầu năm 1971, điều đó chỉ xảy ra trong hai ngày Thứ Sáu của tháng họp phụ tá. Một lúc nào đó trong năm đó, Bapak có một buổi họp tại Wisma Indonesia ở một khu Pendopo ngoài trời, nơi nhóm Subud Nam Jakarta có văn phòng và thường hội họp. Bapak hỏi chúng tôi là có bất cứ gì muốn hỏi không, trước cuộc du hành thế giới để thăm viếng các nhóm Subud tại những quốc gia khác nhau. Tôi nhận thấy trong chính mình thường có một khoảng trống, đôi khi thật rộng lớn, giữa sự hiểu biết thông thường của mình với sự hiểu biết của nội tâm dựa trên những gì mình biết được do kinh nghiệm. Điều xảy ra cho thấy rõ việc đó. Nó còn cho thấy rõ điều gì khác là một sự nghịch lí hiển nhiên.

Tôi nói: “Bapak có muốn nhóm phụ tá hội họp không, khi Bapak vắng mặt để tránh nghiệm những câu hỏi của hội viên?”

“Muốn chứ,” Bapak nói, “bạn dự được những buổi họp và còn có thể chơi đàn vĩ cầm và dương cầm nữa!!!”

Bapak có thể rất sắc sảo khi muốn chúng tôi điều gì đó. Tôi là một kẻ chậm hiểu biết, và những lời nói đó vang dội trong đầu óc tôi trong nhiều năm, cho tới khi mình thực sự thấy được sự lỗ bịch, sự bất khả thi của việc lập lại bất cứ gì như điều chúng tôi nghiệm được trong buổi họp phụ tá đó.

Có một sự im lặng sững sốt khi Ismana nói: “Nhưng khi Bapak vắng mặt, phái nữ cũng hội họp.” Bapak không nói gì.

Giáo sư Haziri, một người Sumatra là giáo sư về Luật Pháp Hồi Giáo, nói: “Điều gì sẽ xảy ra cho Subud, khi Bapak chết?” - một câu hỏi không mấy ai dám hỏi.

Bapak bảo Ismana đứng lên để tránh nghiệm và tiếp nhận sự trả lời cho câu hỏi đó.

Cô đứng lên, thân thể cô được làm cho êm dịu xoay tròn, cánh tay chậm chạp đưa lên cao, ngón tay êm dịu rung động. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy hình như chúng tôi được sự bao bọc của cái ‘ân huệ’ chủ yếu bao bọc Bapak cả bên trong lẫn bên ngoài, và

cái ân huệ đó đang và sẽ còn nơi tất cả chúng tôi, nói cho đúng, nơi vạn vật.

Tuy bị 'mất mặt' bởi sự vênh váo và bất kính đối với những gì Bapak đã tiếp nhận với chúng tôi trong những đêm Thứ Sáu đó, nhưng tôi lại thấy đó là một chỉ thị huyền diệu từ bên trên, điều đồng thời cũng khiến tôi có cơ hội làm trải nghiệm cho thấy 'có gì đó' vĩnh hằng ở Bapak nối kết với mỗi người chúng tôi.

Tương tự, hiện nay bản thân tôi nhận thấy Bapak đã có lòng tốt chỉnh sửa lại sự ngu dốt và ngạo mạn của tôi.

14. Du hành cùng Bapak

Giữa những năm 1970 tôi cùng đi với Bapak trong một những chuyến du hành thế giới. Đoàn người gồm Mas Tuti, bà vợ mới cưới, những cô cháu gái Muti và Tuti, Sharif Horthy và cá nhân tôi.

Chỗ dừng chân đầu tiên của tôi là Tokyo, nơi người Nhật đang tổ chức hội nghị quốc gia. Như tất cả các quốc gia và chủng tộc, người Nhật có đặc tính coi mình là độc đáo, dựa trên lịch sử, ngôn ngữ và những lúc họ biệt lập đối với những quốc gia khác trên thế giới. Trong Thế Chiến Thứ Hai người Indonesia đã phải chịu cảnh túng thiếu và nhục nhã vô cùng dưới sự chiếm đóng của người Nhật. Vậy nên, chứng kiến cảnh các hội viên Nhật hết sức tôn kính, biết ơn và kính mến Bapak là điều khiến ấm lòng.

Người Nhật đã mất nhiều công sức để đón tiếp chúng tôi, và họ tỏ ra rất rộng lượng trong sự hỗ trợ việc thành lập phòng tập latihan ở Wisma Subud, cùng với những kinh doanh mà Bapak đã khởi công. Chính họ cũng đã lập nên nhiều kinh doanh; Bapak và đoàn tùy tùng được họ dẫn đi tham quan. Cuối Hội Nghị có một buổi trình diễn những bài hát và điệu múa khác nhau. Bapak nói tuy văn hóa và ngôn ngữ Nhật rất khác với văn hóa Java của mình, nhưng mình cũng có thể hiểu và thưởng thức, bởi trên căn bản tất cả văn hóa của nhân loại chỉ là Một. Tất cả loài người phải nhìn nhận là chỉ có Một Nhân Loại.

- Ngày mai, Bapak nói, Bapak sẽ tới San Francisco, và các anh chị em Mỹ sẽ vẫy tay nói: "Hi Bapak!"

Sáng hôm sau, trong lúc mọi người đang đợi máy bay, Bapak

đưa một bánh quy cho tôi ăn. Tôi không chịu ăn, nói là mình đang trai giới. “Không cần phải trai giới lúc du hành,” Bapak nói. Một lúc sau đó, chúng tôi bàn tới việc lập quỹ cho sự hoàn thành PTS Widjojo ở Jakarta, bằng cách bán không gian thuê mượn trong 30 năm cho những người đầu tư. Cho tới nay thì chỉ có những ai giàu có là được quan tâm tới. “Như vậy có được không,” tôi đề nghị, “nếu bán cho những cá nhân hay nhóm một vài mét tùy theo phương tiện của họ?”

- Được chứ, Bapak đáp.

Hành trình qua Thái Bình Dương thật mệt mỏi và dài lâu. Khi chúng tôi tới San Francisco, Bapak được người Mỹ chào đón đúng như điều mình diễn đạt bằng điệu bộ. Sau khi chúng tôi đến căn nhà dành cho Bapak và đoàn tùy tùng, Bapak ngồi xuống, cởi giày ra, rồi dùng một chén trà. Kế đó, Bapak đi ngay dự Hội Nghị quốc Gia, và có một buổi nói chuyện cho hơn 400 người.

Bapak luôn đặt những đòi hỏi của sứ mệnh mình trên những nhu cầu cá nhân của mình. Người dùng những dự trữ trong năng lượng của mình để bảo đảm cho mọi chuyện được hoàn thành, dù là lớn hay nhỏ.

15. Bapak mỉm cười

Tháng 5 1968 Bapak đi Auckland dự Hội Nghị Tân Tây Lan. Lúc đó công việc tôi là của một bác sĩ đa khoa, còn Rohana và con cái thì ở Wisma Subud tại Indonesia.

Tôi đến phi trường đón Bapak và đoàn tùy tùng, rồi giúp mang hành lý của họ tới bến phà qua nhà của Erling Week trên đảo Waiheke.

Sungkum là một tục lệ cổ xưa của Java để tỏ lòng tôn kính với một người mình kính mến, như cha mẹ. Những hội viên Subud xa quê hương như chúng tôi đã tự động theo cái tục lệ đó của Java, coi đó là cách bày tỏ sự kính mến của mình với Bapak. Cách đây một hay hai tháng, tôi đã làm sungkum trước mặt Bapak trước khi rời khỏi Wisma Subud. Vậy nên, khi Bapak đi qua những cửa kính của phi trường, tôi quỳ trên đầu gối, rồi hôn trên tay Bapak. Đột nhiên có một cú đánh mạnh trên vai tôi từ tờ báo được cuộn lại mà Bapak đang cầm, như Bapak muốn nói: “Làm như vậy không thích đáng ở đây.”

Tôi xếp tất cả hành lý vào chiếc Renault 4L, rồi lái xe tới quán ăn tại bến phà. Tại đó Bapak ngồi bên một bàn chung quanh có ghế, ngồi đối diện là Pak Usman, là Erling Week. Có ghế trống bên cạnh Bapak, Bapak bảo tôi ngồi đó. Người đưa cho tôi một chiếc bánh với sữa trứng, rồi hỏi chuyện bố mẹ vợ tôi tới Tân Tây Lan ra sao. Thông điệp ngôn ngữ cơ thể của Bapak như muốn nói: “Cứ việc thư thái và bình thường để thích nghi với hoàn cảnh, nơi này bây giờ là Tân Tây Lan.”

Waiheke tất nhiên đã từng và còn là một hòn đảo rất đẹp, nhưng tôi chưa từng thấy nó đẹp và đầy nhựa sống như lúc tháng 5 1968.

Những buổi họp, latihan và nói chuyện của Bapak được tổ chức tại phòng hội họp của ngôi làng dưới đồi. Khi latihan tập xong, tôi ngồi trên một chiếc ghế rải rác đây đó. Tôi hoan hỉ vô cùng vì latihan; hình như nó thấm sâu và trở nên rộng lớn hơn. Tôi ngược đầu thấy Bapak đang nhìn mình mỉm cười, như muốn nói chúng ta đã may mắn không thể tưởng nổi vì đã tiếp nhận được cái Ân Huệ này.

16. Kinh Lạy Cha

Chúng ta chỉ có thể dần dần hiểu được ý nghĩa của cầu nguyện với kinh nghiệm ở đời, trai giới và nghĩa cử. Hoặc điều đó có thể chợt xảy ra, để giải quyết một tình trạng khó khăn và khó ưa. Chính điều đó đã xảy ra cho tôi tại một buổi họp Subud ở Hà Lan với hàng trăm người.

Bà quả phụ Ibu Mastuti, bà vợ cuối của Bapak, bị bệnh ung thư, và tôi có nhiệm vụ đi quyên tiền cho sự điều trị của bà. Tôi đến gặp nhiều bạn bè giàu có để xin họ đóng góp hàng tháng cho sự điều trị đó, và đó là tất cả những ai chịu giúp. Duy chỉ có một người duy nhất, một người giàu có nhất trước đây đã tỏ ra hết sức rộng lượng với tiền bạc mình, trong vụ đó lại nói với tôi: “Bà ấy có khối gì tiền cho sự điều trị của mình.” Lời nói đó khiến tôi bất bình, vì không đúng với những gì tôi thấy được về lối ăn ở của bà. Tôi cảm thấy như vậy là không tỏ lòng kính trọng với một bà quả phụ từng là vợ Bapak.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy cảm thấy rất buồn và bối rối. Tôi tự hỏi mình: “Nên làm gì đây?” Những lời kinh của Kinh Lạy Cha tự động khởi phát trong lòng, không do ý muốn. Những lời kinh đó tự lặp đi lặp lại 3 lần, mỗi lần mang một ý nghĩa thâm sâu hơn, câu nói tiếp câu kia là những sự thật hợp lí.

Cuối cùng, tôi không còn cảm thấy buồn bã và bối rối nữa, mà là vui sướng. Tôi cảm thấy muốn tha thứ cho chính mình, cho người

bạn giàu có của mình, và thương cảm những kẻ cũng là người như mình. Sau này, tôi kể lại chuyện đó cho anh bạn mình.

Trong hơn 30 năm, tôi đã không tụng Kinh Lạy Cha. Bây giờ thì tôi thường tụng khi ngủ dậy mỗi sáng sớm.

17. Giấc mơ, cái chết và sự chuộc tội

Giữa những năm 1980 là lúc tôi đang ở Taif, một thành phố trên một ngọn đồi tại Saudi Arabia. Một đêm nọ, tôi đã không tập latihan trong hai tuần, tôi nằm mơ thấy mình chết, hoàn toàn chết nằm trong mồ. Điều đó thật hết sức khủng khiếp, theo đúng nghĩa của chữ đó, khiến tôi phải thức dậy đi vào phòng khách, nơi tôi có một latihan làm mình từ một trạng thái của địa ngục tới được một trạng thái cực kì vui sướng của thiên đàng.

Tiếp theo, tôi đến nằm trên một chiếc đi-văng là nơi tôi có một giấc mơ khác.

Trong giấc mơ đó, tôi ngồi bên cạnh anh bạn cố hữu Lambert Gibbs nơi nào đó trên một chiếc ghế dài, cánh tay người quảng lên vai người kia. Lambert và tôi luôn là đôi bạn thân. Chúng tôi cùng nhau trò chuyện và cười nói; chúng tôi có thể nói cho nhau những điều mình không thể nói với những người khác.

Một năm trước khi anh mất, tôi ở nhà anh tại London mà cảm thấy rất khó chịu. Giữa đêm tôi thức dậy tập latihan để biết những gì nên làm. Tôi bước vào phòng khách thấy anh đang ngồi đó. Tôi hỏi anh có muốn tôi dọn đi chỗ khác không; anh nói là muốn. Anh bị căng thẳng rất nhiều, và như những kẻ có óc sáng tạo, anh rất có thể mắc chứng hoang tưởng. Anh nghĩ là tôi đã ve vãn chỉ

Maria, vợ anh.

Sau này, biết được tôi thích nhạc Bach, loại nhạc anh có thể chơi thuần thạo, anh tặng tôi một bộ sách gồm 3 cuốn của Rosalyn Tureck là 'Introduction to the Performance of Bach.' Trong cuốn thứ nhất, anh viết: "Tặng một vật lưu niệm của Lambert cho bạn Abdurachman, sau 30 năm kết giao và phạm tội, một sự phạm tội xin bạn tha thứ cho. Tháng 8 1983."

Tất nhiên, tôi đã khóc khi viết những điều đó. Tôi nghĩ tới sự quan trọng của cái quá trình xin tha thứ trước khi mình chết. Cầu chúc cho bạn Lambert được tha tội và thưởng công cho những nghĩa cử của anh trong đời anh.

18. Nghiệm được Zikr

Có điều gì đó khá hệ trọng sắp xảy ra cho tôi, và đó là một cơn đau khó chịu trong dạ dày, điều tôi cho là đã ăn uống nhiều sau khi chơi tennis.

Tôi về nhà nằm nghỉ, nhưng ban đêm cơn đau trở nên trầm trọng hơn, khiến không ngủ được nhiều. Nhiệt độ và nhịp tim gia tăng, nên tôi quyết định đến gặp một bác sĩ phẫu thuật Hà Lan là bạn mình có một bệnh viện ở Damar.

Khi đến đó tôi được khám nghiệm, và đó là bệnh viêm ruột thừa: một ruột thừa thối hóa bị vỡ khi bị cắt bỏ. Tôi được dành cho một phòng khá nhất của bệnh viện, với phòng vệ sinh riêng biệt.

Cô y tá Ân Độ ở bên cạnh tôi 24 tiếng đồng hồ, ngủ dựa đầu trên cánh tay, cánh tay thì dựa trên thành giường tôi. Tôi cảm động mang ơn cô vì sự tận tâm đó, nhưng càng lúc càng cảm thấy căn bệnh mình trở nên trầm trọng hơn. Tôi trông thấy những quái vật bay lượn xung quanh mình, như trong một cảnh của phim Jurassic park. Tôi tự nói với mình: “Rachman, chết không có gì là trọng đại. Chỉ việc quy thuận!” Nhưng từ đáy lòng tôi có một tiếng nói chân thực hơn: “Tầm bậy! Người được tự do lựa chọn.”

Tôi kêu điện thoại cho công ty, để xin được chuyển về Guys, bệnh viện trước kia là nơi học hỏi của mình.

Tại Guys người ta chẩn đoán những bệnh: mất nước trầm trọng,

chứng viêm màng bụng, viêm phổi, áp-xê vết thương. Lorna, cô con gái cả của tôi đến thăm tôi, khuyên tôi vào một nơi săn sóc bệnh nhân của nhà nước. Cô nói: “Vào đó bố sẽ biết rõ hơn.”

Anh bác sĩ thực tập chuyên khoa tử về tự tin và thành thạo: anh bảo người ta truyền dịch cho tôi và điều trị trong hai tuần theo cách hút ra những dịch không mong muốn trong ruột. Tôi hoàn toàn dựa vào thiện chí các cô y tá để đi vào phòng vệ sinh vì vết thương mình.

Mỗi 2 giờ sáng có ‘cái gì đó’ trong lòng mình đánh thức tôi dậy để đi đứng đây đó. Điều đó như là chân cẳng tôi tự ý cử động. Tôi đi ra tới hành lang bên ngoài nơi mình nằm, và cảm thấy chân mình tự nhiên làm zikr, đứng ra là toàn thân mình, khi ‘cái gì đó’ là tôi đi đứng nửa tiếng đồng hồ hay khoảng đó. Một cảm giác sung sướng tuyệt độ thấm nhập khắp thân tôi. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm rất vui sướng.

Sau 12 ngày tôi được phép uống chút gì đó, và thấy đỡ hơn nhiều. Chứng kiến sự đau đớn của những người cũng là bệnh nhân như mình, tôi nghĩ tới tình cảnh của chính mình. Nhiều người mắc những căn bệnh trong giai đoạn chót, và tôi có thể cảm thấy nỗi lo sợ của họ. Sau khi về nhà tôi cũng lo sợ khi thỉnh thoảng thức dậy lúc ban đêm đánh rầm khùng khiếp, nghe như tiếng sấm, mà cuối cùng là “Chúa ơi là Chúa!”

Mỗi ngày tôi đi bộ tới 500 mét, rồi ngủ 4 tiếng đồng hồ; đi bộ thì mỗi lúc mỗi trở nên dài lâu hơn, còn ngủ thì ngắn hạn hơn. Anh bạn tôi, một kẻ lãnh đạo UNICEF ở Yemen, bị viêm ruột thừa mà phải nghỉ làm trong 3 tháng.

Những trải nghiệm đó như việc vượt qua một con sông mà không bao giờ quay đầu lại. Tôi không ngờ là mình có thể nghiệm được một sự vui sướng ngay trong lúc bị bệnh nặng. Quả thực là nhờ Ân Huệ Thượng Đế bên trong và bao quanh tất cả chúng ta.

19. Suka Mulia - một nơi chốn đặc biệt

Nơi đó nằm trên núi Sunda, giữa Jakarta và Bandung. Tới đó thì phải rẽ qua từ con lộ nối hai đô thị đó tới một con lộ khác, trước khi tới Cipanas, một khu nghỉ mát.

Tiếp theo là qua một lô những căn nhà nghỉ mát trước khi tới đồng quê Sundan, nơi các ruộng lúa trộn lẫn với những cánh đồng rau cải. Mọi nơi có thể nghe thấy âm thanh nước chảy, mọi nơi có 2 hay 3 kẻ trên xe gắn máy, hay những kẻ nhồi nhét trên những xe đồ nhỏ xíu chạy trên con đường gồnh gềnh, con đường dẫn tới Suka Mulia.

Cách đây 50 năm tôi lần đầu đã tới thăm Suka Mulia; hồi đó khắp nơi đều là đồng quê, chưa có nhiều dáng vẻ của một nơi có dân thành thị. Một chiếc xe jeep chạy nhấp nhô đưa chúng tôi tới cánh cổng một đất đai với những cây thông mỗi bên.

Hiện nay nơi đó là nghĩa trang cho gia đình Bapak, và cho những bạn bè từ khắp thế giới trong những năm 1960 và 1970 muốn được gần cận Bapak. Thi thể Bapak đã được khai quật 20 năm sau khi chết, và được an táng tại một khu đất cao nhất của nơi

đó. Sau tất cả những năm nằm dưới đất, cái thi thể đó đã không bị thối rữa.

Lúc đến thăm trong năm 2017, chúng tôi đến một đồng quê mà từ đó tới nghĩa trang chỉ mất 3 km. Những cây thông vẫn còn mọc hai bên những cánh cổng. Trước khi tới chỗ đậu xe, chúng tôi đi ngang qua một nơi hai bên có những bụi cây trà cắt xén khéo léo, bên trái là một dốc cao đầy những cây cao lớn.

Từ đó có những nấc thang đá lát màu đỏ dẫn lên một con đường bằng gạch hai bên xếp thành hàng những thân cây cao lớn. Xuyên qua các cây có thể nhìn thấy ngọn núi chọc trời Gede cách đó 12 km. Một đám mây nhỏ bé trôi nổi trên đỉnh núi. Trước kia, tại căn nhà mình nơi sườn đồi, chúng tôi đôi khi nghe thấy cánh cửa chớp rung chuyển lúc ban đêm, khi đậy núi Gede chuyển động do những sức mạnh ngầm dưới mặt đất. Hiện nay, tuy vẫn còn nghe thấy tiếng chim kêu gọi nhau và tiếng thờ dài của gió nhẹ, nhưng tôi hoàn toàn không suy nghĩ và cảm nhận gì được vì một sự im lặng tràn ngập trong lòng mình.

Nơi cuối đoạn đường chúng tôi bước lên những nấc thang dẫn tới nghĩa trang của gia đình. Giữa nơi đó là một pendopo rào xung quanh, với những phần mộ của Bapak và thân nhân chung quanh, còn phần mộ con cái và vợ họ thì được định cho những khu vực chung quanh. Tôi đứng trước phần mộ mới xây của Tuti mới vừa chết. Không cầu nguyện gì được: sự Im Lặng và An Bình trong lòng tôi tràn đầy tới nỗi tôi không muốn suy nghĩ hay cầu nguyện gì. Sự im lặng an bình đó như vậy là đủ.

Chúng tôi về nơi đậu xe để lấy xe tới một nơi không xa là nghĩa trang cho những bạn bè của gia đình, người Indonesia lẫn người nước ngoài. Căn phòng trong đó chúng tôi ngồi ăn sáng có đầy một ánh sáng vui tươi.

Có hai hàng phần mộ, tất cả đều hình thuẫn bằng đá hoa cương, trên đó ghi tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ, ngày mất của người chết. Chúng tôi quen biết hầu hết những người đó. Không có những câu biểu lộ tình cảm thừa thãi như “Mãi mãi trong lòng chúng tôi.” Câu nói vô nghĩa đó có vẻ như nhạo báng thực tại của sự vĩnh

hằng.

Chúng tôi đã mua hai nơi để được an táng tại đây, nhưng bây giờ thì tôi nhận thức được cuộc sống luôn đi tới phía trước, chứ không đi giật lùi. Điều nghịch lí là cái ước muốn đó vẫn còn, như cuộc sống tôi. Quá khứ là quá khứ, và tương lai là cái tương lai vô định, Hiện Tại là cái Hiện Tại vĩnh hằng.

